

Bản án số: 124/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27 – 5 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐOAI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Hồng Dương.

Bà Nguyễn Kim Kết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị La Thị Cẩm T1, sinh năm 1993. Địa chỉ cư trú: Ấp T2, xã T3, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phan Quốc T, sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú: Ấp T2, xã T3, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của chị La Thị Cẩm T1, thể hiện:*

Chị La Thị Cẩm T1 và anh Phan Quốc T chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T3, huyện Đ, tỉnh Cà Mau vào năm 2019; khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên đã sống ly thân khoảng hơn 06 tháng nay. Từ nguyên nhân trên, chị T1 yêu cầu được ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống các đương sự có 02 con chung, gồm: Phan Nhất B, sinh ngày 25/5/2011 và Phan Thị Yến N, sinh ngày 15/5/2014. Khi ly hôn, chị T1 yêu cầu được nuôi dưỡng Yến N và giao Nhất B cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Quá trình chung sống các đương sự không có tài sản chung và nợ người khác.

* *Đối với anh Phan Quốc T:* Mặc dù đã được tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng anh T không có ý kiến gì về các nội dung chị T1 yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị La Thị Cẩm T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Phan Quốc T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp.

[2] Chị La Thị Cẩm T1 và anh Phan Quốc T chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau vào năm 2019. Theo chị T1, khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân khoảng hơn 06 tháng nay; từ nguyên nhân trên, chị T1 yêu cầu được ly hôn với anh T. Anh T không có ý kiến gì về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu xin ly hôn của chị T1.

Xét yêu cầu của chị T1, thấy rằng: Hôn nhân của chị T1 và anh T có đăng ký kết hôn hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ; tuy nhiên, chị T1 yêu cầu xin ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử anh T đều vắng mặt, thể hiện việc anh T không có thiện chí hòa giải, hàn gắn; điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của các đương sự đã thực sự trầm trọng và không thể hàn gắn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị T1 ly hôn với anh T là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu việc nuôi con sau khi ly hôn của chị T1, thấy rằng: Chị T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi Phan Thị Yến N và giao Phan Nhất B cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không có ý kiến gì về yêu cầu này của chị T1; do vậy, để ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên giữ nguyên việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn như hiện nay giữa các đương sự là cần thiết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về nội dung này sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung, nợ và các vấn đề khác: Chị T1 xác định không có, anh T không có ý kiến gì về các nội dung này nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T1 phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị La Thị Cẩm T1.

- Về hôn nhân: Cho chị T1 được ly hôn với anh Phan Quốc T.

- Về con chung: Giao Phan Nhất B, sinh ngày 25/5/2011 cho anh T và giao Phan Thị Yến N, sinh ngày 15/5/2014 cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị La Thị Cẩm T1 phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); đối trừ số tiền nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai số 0000980 ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi thì chị T1 đã nộp xong án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn